

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày 04-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2022/TLST - DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XL, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XL, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cải Tạo).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XL, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Như Y, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XL, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau

+ Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp XL, xã LH, huyện NC, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hồng C trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2019 ông đứng tên tham gia hội do vợ chồng ông Đ và bà T làm chủ đầu thảo, cụ thể:

Dây hội 1.000.000 đồng mở ngày 15/5/2019 âl gồm 63 chân, 01 tháng khui 02 lần và ông có tham gia 02 chân, góp được 33 kỳ thì đình hội bằng 66.000.000 đồng.

Dây hội 500.000 đồng mở ngày 15/6/2019 âl gồm 75 chân, 01 tháng khui 02 lần và ông có tham gia 01 chân, góp được 31 kỳ thì đình hội bằng 15.500.000 đồng .

Dây hội 500.000 đồng mở ngày 30/9/2019 âl gồm 74 chân, 01 tháng khui 02 lần và ông có tham gia 01 chân, góp được 24 kỳ thì đình hội bằng 12.000.000 đồng.

Mua 01 chân hội vào ngày 15/5/2019 âl, 62 chân số tiền bằng 40.650.000 đồng. Số tiền giao cho bà T 40.650.000 đồng nhận trực tiếp.

Như vậy, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T còn nợ ông 134.150.000 đồng. Sau khi đình hội thì ông và bà T có kết nợ theo bảng kê khai ngày 08/12/2021 số tiền bà T nợ ông là 130.650.000 đồng. Do đó, ông kiện yêu cầu ông Đ và bà T hoàn trả số tiền 130.650.000 đồng.

- *Tại Tò trình ngày 15/02/2023 và đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 16/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Việc mở hội và làm chủ hội do bà T quản lý và theo dõi toàn bộ, ông không biết nợ nần như thế nào. Do đó, ông thống nhất theo Y kiến của bà T.

- *Tại biên bản ngày 23/02/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Sau khi đình các dây hội thì giữa bà và ông C đã có biên bản đối chiếu tổng số tiền bà nợ ông C là 130.650.000 đồng theo bản kê ngày 08/12/2021. Sau khi chấp hành án xong bà về làm để trả nợ cho ông C. Trong số nợ này là nợ riêng của bà, không phải số nợ của ông Đ nên ông Đ không có liên quan.

- *Tại đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 03/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Như Y trình bày:* Yêu cầu bà T có trách nhiệm trả đủ số tiền theo nội dung ông C khởi kiện và xin vắng mặt đến khi vụ án kết thúc.

- *Tại đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 03/3/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:* Yêu cầu ông Đ và bà T có trách nhiệm trả đủ đối với số nợ của ông C và xin vắng mặt đến khi vụ án kết thúc.

- *Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.* Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp

nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ hui. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả số tiền hui cho ông C là 130.650.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông C yêu cầu ông Đ liên đới trả số tiền 130.650.000 đồng.

Bà T phải chịu án phí có giá ngạch là 6.532.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông C, bị đơn ông Đ và bà T, người liên quan ông Đ và bà Y đều có văn bản từ chối tham gia hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Ông C kiện ông Đ và bà T hoàn trả số tiền nợ hui 130.650.000 đồng theo bảng kê khai ngày 08/12/2021 giữa ông C với bà T, được bị đơn bà T thừa nhận sau khi đình hui thì có nợ ông C số tiền 130.650.000 đồng. Như vậy, quá trình giải quyết vụ án ông C và bà T trình bày phù hợp với nhau về việc ông C tham gia 03 dây hui và mua 01 chân hui do bà T làm chủ đầu thảo. Đến khi đình hui thì giữa bà T và ông C chốt nợ, bà T nợ ông C tổng số tiền 130.650.000 đồng, Đ là chứng cứ kết sổ giữa bà T và ông C, bà T đã vi phạm thỏa thuận nên ông C kiện đòi lại là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng: Trong quá trình bà T mở hui làm chủ đầu thảo thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ bình thường, đang tồn tại, kinh tế vẫn sử dụng chung trong gia đình. Tuy nhiên, quá trình điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau chứng minh được việc bà T mở hui làm chủ đầu thảo lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân và trản hui cho các hui viên, không sử dụng chung trong gia đình và không có căn cứ chứng minh ông Đ có tham gia quản lý hui, nên chưa đủ căn cứ để buộc ông Đ có trách nhiệm liên đới trong vụ án. Do đó, tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của TAND tỉnh Cà Mau và bản án hình sự phúc thẩm số 781/2022/HS-PT ngày 17/10/2022 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc Nguyễn Thị T hoàn trả tất cả số tiền hui cho nhiều bị hại, không buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới hoàn trả cùng bà T. Từ các căn cứ phân tích trên, chưa đủ căn cứ để buộc ông Đ có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho ông C là có căn cứ.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 6.532.500 đồng (130.650.000 đồng đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C đòi tiền nợ hộ đối với bà T số tiền 130.650.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hồng C số tiền 130.650.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông C yêu cầu ông Đ liên đới cùng bà T trả số tiền 130.650.000 đồng.

2. Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự bà Nguyễn Thị T phải chịu 6.532.500 đồng (chưa nộp). Ông C không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả lại cho ông C số tiền 3.354.000 đồng dự nộp tại biên lai số 0015924 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên

